

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HN&GD-ST

Ngày 10/12/2020

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy và ông Đào Xuân Tim

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 199/2020/TLST-HN&GD ngày 15 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HN&GD ngày 05/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HN&GD ngày 23/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị V – sinh năm 1970

ĐKHKT, nơi cư trú: Đội 5, thôn Gi, xã CD, huyện KT, tỉnh HD. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Diệu – Luật sư văn phòng Luật sư Tâm Đức Phúc.

Địa chỉ: Số 30, Lạc Long Quân, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc G – sinh năm 1964

ĐKHKT, nơi cư trú: Đội 5, thôn Gi, xã CD, huyện KT, tỉnh HD. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc G kết hôn năm 1989 tại UBND xã CD, huyện KT, tỉnh HD trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với bố mẹ ông Găm tại Thôn Gi, xã CD, huyện KT và chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm (đến giữa năm 2004) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nuôi

dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông G có biểu hiện không chung thủy và thường xuyên bỏ nhà đi vài năm liền không về nhà, bà cũng không biết ông G đi đâu, làm gì. Ông G không bao giờ quan tâm đến bà và các con. Năm 2016 cháu Chung là con của ông bà bị tai nạn rất nghiêm trọng bị ảnh hưởng đến não phải phẫu thuật điều trị tại bệnh viện Việt Đức (Hà Nội) vài tháng nhưng ông G cũng không quan tâm, hỏi han gì đến bà và con. Ông G cứ đi vài năm rồi lại về nhưng chỉ về một vài hôm lại đi, khi đi ông G không nói gì với bà hay bất kỳ ai, ông G cũng không liên lạc với bà và các con. Sau đó ông G cứ đi biệt từ năm 2010 mãi đến tháng 4 năm 2020 mới trở về nhà ở CD ở từ đó cho tới nay. Ông bà cũng chính thức ly thân nhau từ năm 2010 cho tới nay, không ai còn ai quan tâm, chăm sóc tới ai nữa. Do sức khoẻ của bà yếu, ở một mình không có ai chăm sóc, các con bà người thì đi lấy chồng ở xa, còn 1 cháu thì đi học xa nên đến đầu năm 2019 bà phải chuyển đến sống cùng cháu ruột của bà ở cùng thôn để cháu tiện chăm sóc bà và bà ở từ đó cho tới nay. Sau khi ông G về nhà ở Thôn Gi, xã CD từ tháng 4 năm 2020 thì đến giữa tháng 7 năm 2020 ông G có đến tìm bà 1 lần và có đe dọa bà, ông G bảo bà “mày không về thì tao sẽ có cách”. Mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Mục đích ông G đến bảo bà về chỉ là muốn bà qua lại chăm sóc cho gia đình ông G, chứ bản thân ông cũng không còn tình cảm với bà. Bà cũng được biết là ông G đã có người phụ nữ khác mặc dù bà không có bằng chứng cụ thể. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 2 con chung: Nguyễn Thị Minh Th – sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1990, các cháu đều đã trưởng thành, tự lập. Bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông G và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông G nhưng ông G đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã CD xuống gia đình ông G để làm việc, nhưng ông G vắng mặt không có nhà. Tòa án xác minh tại địa phương xác định: Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông G có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến làm ăn thua lỗ. Do mâu thuẫn xảy ra nên ông G đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ năm 2010 đến giữa năm 2020 ông G mới trở về địa phương sinh sống nhưng ông G cũng không trở về chung sống với Bà V nên hiện tại bà V và ông G vẫn ly thân nhau.

Tại đơn đề nghị của ông Trần Công T – sinh năm 1937, trú tại: Thôn Đông, xã CD, huyện KT, tỉnh HD là bố đẻ bà V xác định: Trong quá trình chung sống giữa bà V, ông G thường xuyên mâu thuẫn, ông G không quan tâm đến gia đình, vợ con và cũng không quan tâm gì đến gia đình bên vợ. Bà V và ông G cũng đã ly thân nhau từ lâu.

Tại đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1990, trú tại: Thôn 17, xã Yên S, huyện Lục N, tỉnh Bắc G là con gái của bà V, ông G cũng xác định: Khoảng mười mấy năm nay bố mẹ chị là bà V, ông G thường xuyên mâu thuẫn và đã ly thân được gần 10 năm. Ông G hay bỏ đi biệt, không quan tâm đến gia đình. Cách đây mấy năm khi chị bị tai nạn rất nặng, nguy hiểm đến tính mạng phải điều trị thời gian dài ở Bệnh viện Việt Đức nhưng ông G cũng không có lần nào hỏi han, quan tâm đến chị, bỏ mặc chị một mình cho mẹ chị chăm sóc.

Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập ông G đến tham gia phiên tòa nhưng ông G vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông G đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông G vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, Bà V giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Bà Trần Thị V và ông Nguyễn Ngọc G sau khi kết hôn và chung sống với nhau tại thôn Gi, xã CD, huyện KT, tỉnh HD được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông G không quan tâm gì đến bà V và các con, ông G bỏ đi biệt thời gian dài, không liên lạc gì về gia đình để cho mẹ con bà V tự chăm nhau. Đến giữa năm 2020 khi ông G trở về sinh sống ở thôn G, xã CD thì quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn mâu thuẫn và vẫn sống ly thân. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà V được ly hôn ông G. Bà V và ông G có 2 con chung: Nguyễn Thị Minh Th – sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1990 đều đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: xử cho bà Trần Thị V được ly hôn ông Nguyễn Ngọc G. Về con chung: Bà V và ông G có 2 con chung: Nguyễn Thị Minh Th – sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1990 đều đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc Bà V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị V và ông Nguyễn Ngọc G kết hôn vào năm 1989 tại UBND xã CD, huyện KT, tỉnh HD, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống đến giữa năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có sự quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2010 cho tới nay nhưng ông G cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với bà V. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị V xin được ly hôn ông Nguyễn Ngọc G là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà V và ông G có 02 con chung: Nguyễn Thị Minh Th – sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1990 đều đã trưởng thành, tự lập nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà Trần Thị V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị V có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị V được ly hôn ông Nguyễn Ngọc G.

2. Án phí: Bà Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001521 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương. Bà Trần Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã CD, huyện KT, tỉnh HD;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

